

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2021

V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bé Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Luân Văn Lý

2. Ông Nguyễn Văn Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nông Mạnh Cường – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/QĐ-TA ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lâm Thị Thu T - sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ 07, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

(*Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Nguyễn Trường G - sinh năm 1974;

Địa chỉ: Tổ 07, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; (*Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lâm Thị Thu T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trường G kết hôn ngày 19/12/2000 trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa

phương, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung. Đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống khiến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Quá trình mâu thuẫn có xảy ra cãi vã, tuy nhiên không xảy ra xô sát, gây thương tích gì. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và bản thân hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 5 năm 2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung:

1. Nguyễn Thu T (giới tính: nữ) - sinh ngày 04 tháng 7 năm 2002, hiện nay cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Nguyễn Lâm Trường A (giới tính: nam) - sinh ngày 25 tháng 02 năm 2011. Hiện nay cháu A đang ở cùng với chị T. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và không yêu cầu anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/9/2021, nguyên đơn chị Lâm Thị Thu T có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị T.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật cho bị đơn anh Nguyễn Trường G nhưng anh G vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, giải quyết vụ án mà không có lý do. Do vậy, Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh G trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị Thu T.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lâm Trường A - sinh ngày 25/02/2011 (giới tính: nam) cho chị Lâm Thị Thu T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Không đặt ra vấn đề về cấp dưỡng nuôi con (cháu A) do chị T không có yêu cầu.

Đối với con chung tên: Nguyễn Thu T (giới tính: nữ) - sinh ngày 04 tháng 7 năm 2002; hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Đề nghị giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí: chị Lâm Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Lâm Thị Thu T kết hôn với anh Nguyễn Trường G, cùng địa chỉ: Tổ 07, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhận kết hôn số 49 quyền 01/2000 ngày 19/12/2000 tại Ủy ban nhân dân phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Nay, chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn với anh G, nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị Thu T và anh Nguyễn Trường G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng vào ngày 19/12/2000 trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh G là hợp pháp.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Theo lời khai của chị T sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung. Đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống khiến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Quá trình mâu thuẫn có xảy ra cãi vã, tuy nhiên không xảy ra xô sát, gây thương tích gì. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và bản thân hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 5 năm 2021 đến nay vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật cho bị đơn anh Nguyễn Trường G nhưng anh G vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng mà không có lý do. Trong quá trình tòa án tổng đạt văn bản tố tụng anh G không có mặt tại nơi cư trú và không có thông tin anh G đi làm ở đâu. Do đó, Tòa án không thể tiến hành việc lấy lời khai của anh G tại nơi cư trú, nơi làm việc được.

Quá trình Tòa án tiến hành xác minh xác định: anh G và chị T thật sự có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay chị T và anh G đã sống ly thân, chị T và

cháu A đã về nhà mẹ đẻ của chị T sinh sống tại tổ 5, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng từ tháng 5/2021. Trong thời gian sống ly thân, cả hai vợ chồng đã không tạo điều kiện, cơ hội để cùng nhau xây dựng lại cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc.

Xét yêu cầu của chị T là có cơ sở bởi hôn nhân cần được xây dựng trên nền tảng của sự yêu thương, tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ nhau nhưng chị T đã không nhận được từ anh G sự sẻ chia đó, do vậy mục đích hôn nhân đã không đạt được. Do vậy cuộc hôn nhân giữa chị Lâm Thị Thu T và anh Nguyễn Trường G cần căn cứ Điều 51 “Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn”, Điều 56 “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị T và các tài liệu, chứng cứ mà chị T giao nộp tại Tòa án xác định vợ chồng chị Lâm Thị Thu T và anh Nguyễn Trường G có 02 con chung tên:

- Nguyễn Thu T (giới tính: nữ) - sinh ngày 04 tháng 7 năm 2002; hiện nay cháu T đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Tòa án không xem xét, giải quyết về con chung Nguyễn Thu T.

- Nguyễn Lâm Trường A (giới tính: nam) - sinh ngày 25 tháng 02 năm 2011. Hiện nay cháu An đang ở cùng với chị T tại 5, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 58 “Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn”; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu A khi bố mẹ ly hôn muốn được sinh sống cùng với mẹ. Xét nguyện vọng của con chung (cháu A), để không làm đảo lộn cuộc sống sinh hoạt, học tập của con sau khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi ly hôn cần giao cháu A cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị T không có yêu cầu.

Vì quyền lợi của con, việc trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung có thể thay đổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo lời khai của chị Lâm Thị Thu T, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Trường G về vấn đề này. Do vậy, về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng trong vụ án này Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị Thu T đối với anh Nguyễn Trường G.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị Thu T và anh Nguyễn Trường G chấm dứt kể từ thời điểm bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

- Giao con chung tên Nguyễn Lâm Trường A (giới tính: nam) - sinh ngày 25 tháng 02 năm 2011 cho chị Lâm Thị Thu T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Nguyễn Lâm Trường A) sau khi ly hôn do chị Lâm Thị Thu T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Đối với con chung tên: Nguyễn Thu T (giới tính: nữ) - sinh ngày 04 tháng 7 năm 2002; hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lâm Thị Thu T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sung công quỹ Nhà nước, nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001041 ngày 21/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị Lâm Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bế Lan Phương

